

Phụ lục 1

| KẾT QUẢ RÀ SOÁT NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM                                  |                    |            |         |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------|---------|----------|
| (Kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum) |                    |            |         |          |
| STT                                                                                             | Đơn vị, địa phương | Tổng số hộ | Xây mới | Sửa chữa |
| A                                                                                               | B                  | 1          | 3       | 4        |
| 1                                                                                               | Thành phố Kon Tum  | 108        | 66      | 42       |
| 2                                                                                               | Huyện Đắk Hà       | 91         | 76      | 15       |
| 3                                                                                               | Huyện Đắk Tô       | 240        | 215     | 25       |
| 4                                                                                               | Huyện Tu Mơ Rông   | 423        | 380     | 43       |
| 5                                                                                               | Huyện Ngọc Hồi     | 171        | 57      | 114      |
| 6                                                                                               | Huyện Đắk Glei     | 646        | 494     | 152      |
| 7                                                                                               | Huyện Sa Thầy      | 346        | 269     | 77       |
| 8                                                                                               | Huyện Ia H'Drai    | -          | -       | -        |
| 9                                                                                               | Huyện Kon Rẫy      | 155        | 102     | 53       |
| 10                                                                                              | Huyện Kon Plông    | 572        | 527     | 45       |
| Tổng cộng toàn tỉnh                                                                             |                    | 2.752      | 2.186   | 566      |

**Phụ lục 2**

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT CHO HỘ NGƯỜI CÓ CÔNG**

*(Kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| STT              | Đơn vị, địa phương | Tổng số hộ | Xây mới   | Sửa chữa  |
|------------------|--------------------|------------|-----------|-----------|
| A                | B                  | 1          | 3         | 4         |
| 1                | Thành phố Kon Tum  | 9          | 3         | 6         |
| 2                | Huyện Đắk Hà       | 10         | 5         | 5         |
| 3                | Huyện Đắk Tô       | 13         | 2         | 11        |
| 4                | Huyện Tu Mơ Rông   | 9          | 8         | 1         |
| 5                | Huyện Ngọc Hồi     | 11         | 3         | 8         |
| 6                | Huyện Đắk Glei     | 23         | 18        | 5         |
| 7                | Huyện Sa Thầy      | 19         | 2         | 17        |
| 8                | Huyện Ia H'Drai    | -          | -         | -         |
| 9                | Huyện Kon Rẫy      | 4          | 2         | 2         |
| 10               | Huyện Kon Plông    | 17         | 16        | 1         |
| <b>Tổng cộng</b> |                    | <b>115</b> | <b>59</b> | <b>56</b> |

Phụ lục 3

KẾT QUẢ RÀ SOÁT NHÀ TẠM, NHÀ DỌT NÁT CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO  
THUỘC ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHÀ Ở  
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

TỪ

(Kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

| STT       | Đơn vị, địa phương | Tổng số hộ | HỘ NGHÈO   |         |          | HỘ CẬN NGHÈO |         |          |
|-----------|--------------------|------------|------------|---------|----------|--------------|---------|----------|
|           |                    |            | Tổng số hộ | Xây mới | Sửa chữa | Tổng số hộ   | Xây mới | Sửa chữa |
| A         | B                  | 1          | 2          | 3       | 4        | 5            | 6       | 7        |
| 1         | Thành phố Kon Tum  | -          | -          | -       | -        | -            | -       | -        |
| 2         | Huyện Đắk Hà       | 4          | 4          | 4       | -        | -            | -       | -        |
| 3         | Huyện Đắk Tô       | 38         | 26         | 26      | -        | 12           | 11      | 1        |
| 4         | Huyện Tu Mơ Rông   | -          | -          | -       | -        | -            | -       | -        |
| 5         | Huyện Ngọc Hồi     | -          | -          |         |          | -            | -       | -        |
| 6         | Huyện Đắk Glei     | -          | -          | -       | -        | -            | -       | -        |
| 7         | Huyện Sa Thầy      | -          | -          | -       | -        | -            | -       | -        |
| 8         | Huyện Ia H'Drai    | -          | -          | -       | -        | -            | -       | -        |
| 9         | Huyện Kon Rẫy      | 20         | 20         | 20      | -        | -            | -       | -        |
| 10        | Huyện Kon Plông    | 90         | 77         | 74      | 3        | 13           | 13      | -        |
| Tổng cộng |                    | 152        | 127        | 124     | 3        | 25           | 24      | 1        |

Phụ lục 4

KẾT QUẢ RÀ SOÁT NHÀ TẠM, NHÀ DỌT NÁT CHO HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO  
KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG THỤ HUỖNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

| STT       | Đơn vị, địa phương | Tổng số hộ | HỘ NGHÈO   |         |          | HỘ CẬN NGHÈO |         |          |
|-----------|--------------------|------------|------------|---------|----------|--------------|---------|----------|
|           |                    |            | Tổng số hộ | Xây mới | Sửa chữa | Tổng số hộ   | Xây mới | Sửa chữa |
| A         | B                  | 1          | 2          | 3       | 4        | 5            | 6       | 7        |
| 1         | Thành phố Kon Tum  | 63         | 27         | 14      | 13       | 36           | 15      | 21       |
| 2         | Huyện Đắk Hà       | 77         | 48         | 39      | 9        | 29           | 28      | 1        |
| 3         | Huyện Đắk Tô       | 86         | 60         | 49      | 11       | 26           | 24      | 2        |
| 4         | Huyện Tu Mơ Rông   | 255        | 230        | 205     | 25       | 25           | 21      | 4        |
| 5         | Huyện Ngọc Hồi     | 87         | 52         | 17      | 35       | 35           | 13      | 22       |
| 6         | Huyện Đắk Glei     | 359        | 230        | 191     | 39       | 129          | 109     | 20       |
| 7         | Huyện Sa Thầy      | 256        | 206        | 162     | 44       | 50           | 44      | 6        |
| 8         | Huyện Ia H'Drai    | -          | -          |         |          | -            |         |          |
| 9         | Huyện Kon Rẫy      | 125        | 92         | 50      | 42       | 33           | 24      | 9        |
| 10        | Huyện Kon Plông    | 254        | 193        | 178     | 15       | 61           | 53      | 8        |
| Tổng cộng |                    | 1.562      | 1.138      | 905     | 233      | 424          | 331     | 93       |

**Phụ lục 5**  
**KẾT QUẢ RÀ SOÁT NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT CHO HỘ DÂN CÒN LẠI**  
*(Kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2025*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| STT              | Đơn vị, địa phương | Tổng số hộ | Xây mới    | Sửa chữa   |
|------------------|--------------------|------------|------------|------------|
| <i>A</i>         | <i>B</i>           | <i>I</i>   | <i>3</i>   | <i>4</i>   |
| 1                | Thành phố Kon Tum  | 36         | 34         | 2          |
| 2                | Huyện Đắk Hà       | -          | -          | -          |
| 3                | Huyện Đắk Tô       | 103        | 103        | -          |
| 4                | Huyện Tu Mơ Rông   | 159        | 146        | 13         |
| 5                | Huyện Ngọc Hồi     | 73         | 24         | 49         |
| 6                | Huyện Đắk Glei     | 264        | 176        | 88         |
| 7                | Huyện Sa Thầy      | 71         | 61         | 10         |
| 8                | Huyện Ia H'Drai    | -          |            |            |
| 9                | Huyện Kon Rẫy      | 6          | 6          | -          |
| 10               | Huyện Kon Plông    | 211        | 193        | 18         |
| <b>Tổng cộng</b> |                    | <b>923</b> | <b>743</b> | <b>180</b> |